TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2022
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Danh

2. Ông Huỳnh Minh

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Nga, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 44/QĐST-HPT ngày 29-6-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, S năm 1984; địa chỉ: Xã P, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Viết S, S năm 1977; địa chỉ: Xã P, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2022 và quá trình tố tụng tại tòa bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà Nguyễn Thị D và ông Vũ Viết S đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2020 thì phát S mâu thuẫn. Từ những mâu thuẫn có liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, không có sự đồng cảm, chia sẽ cùng nhau, cả 2 không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, ảnh hưởng cuộc sống của cả 2 bên. Đã nhiều lần nhờ đến

gia đình 2 bên cũng như phường, xã can thiệp nhưng đều không giải quyết được mâu thuẫn.

Mặc dù gia đình 2 bên đã cố gắng khuyên răn, hàn gắn nhưng cả 2 đều nhận thấy không còn tình cảm thương yêu nhau như trước nên không thể tiếp tục sống chung. Tại phiên tòa, bà D nhận thấy tình cảm đối với ông S không còn bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung, Vũ viết H, S ngày 22-10-2004, Vũ viết Q, S ngày 25-5-2007 và Vũ viết B, S ngày 12-02-2011. Con Vũ viết H đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Vũ Viết S đến Toà giải quyết ly hôn nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội D: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn ông Vũ Viết S, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông S S sống tại huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Vũ Viết S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội D:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Vũ Viết S sống chung từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà D và ông S là hôn nhân hợp pháp. Theo bà D xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2020 thì phát S mâu thuẫn.

Nguyên nhân: Do không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng tự sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay bà D nhận thấy không còn tình cảm đối với ông S yêu cầu được ly hôn. Về phía ông S, mặc dù đã nhận được văn bản của Tòa nhưng ông S không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông S không muốn duy trì cuộc sống chung với bà D. Theo xác nhận của địa phương: Bà D và ông S sau khi cưới nhau vợ chồng S sống tại Tổ 22 ấp Phước Lâm, xã P, huyện Đ. Cuộc sống vợ chồng phát S mâu thuẫn với nguyên nhân chính là do ông S ham chơi và không có trách nhiệm đối với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Tuy chung sống cùng một nhà nhưng vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc cùng nhau. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D yêu cầu ly hôn có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Bà D yêu cầu được nuôi con và phù hợp với nguyện vọng các con cũng mong muốn được sống với mẹ. Do đó, giao các con cho bà D nuôi. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Sau này bà D, ông S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị D đối với ông Vũ Viết S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Vũ Viết S.

- Về con chung: Con chung Vũ viết H, S ngày 22-10-2004 đã trưởng thành nên không giao quyền nuôi dưỡng. Giao cho bà D được tiếp tục nuôi 02 con chung Vũ viết Q, S ngày 25-5-2007 và Vũ viết B, S ngày 12-02-2011. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008852 ngày 11-5-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà D đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Trúc